

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2019/DS-ST

Ngày 28 – 11 – 2019

V/v tranh chấp QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm
2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuý Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Kim - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2019/TLST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 926/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nghê Thanh H; Địa chỉ: Nhà không số, đường Đ, khóm 1, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị G; Địa chỉ: số 22A/24A, đường N, khóm 1, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nghê Cao T; Địa chỉ: Nhà không số, đường Đ, khóm 1, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019, có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Bình Đ; Địa chỉ: Số 63, đường L, khóm 1, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Chị Trần Thị Mỹ T; Địa chỉ: Nhà không số, đường Đ, khóm 1, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nghệ Thanh H (nguyên đơn) trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Nghệ Văn Vạn cho cha của anh là ông Nghệ Thanh Hùng. Do ông Hùng có đất ở huyện Trần Văn Thời nên giao cho người em ruột là ông Nghệ Thế Thanh quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký đứng tên trên sổ mục kê thuộc thửa số 111 với diện tích 380m². Sau đó, ông Thanh giao lại cho người con ruột là anh Nghệ Thế Hiền quản lý, sử dụng, đứng tên trên sổ mục kê. Năm 1999, anh H quản lý phần đất trên nhưng đến năm 2005, giữa anh H với anh Hiền mới thỏa thuận thống nhất phần đất trên là của cụ Vạn cho ông Hùng và ông Hùng cho lại anh, nên anh Hiền làm giấy ủy quyền giao lại cho anh H toàn quyền sở hữu phần đất trên. Tuy nhiên, giữa anh H với anh Hiền không đo đạc để xác định diện tích đất cụ thể ngoài thực địa là bao nhiêu và anh H đã quản lý, sử dụng, kê khai đăng ký cho đến nay. Hiện phần đất trên thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 01 (theo xác định của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường Đ, phường C, thành phố Cà Mau), nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2008, Nhà nước chủ trương làm lộ Đ. Đến năm 2010, Nhà nước mới thực hiện việc thu hồi đất và đền bù, giải tỏa cho các hộ dân nằm trong dự án xây dựng đường Đ trong đó có phần đất trên. Ngày 07/10/2010, UBND thành phố Cà Mau đã thu hồi của anh H phần đất có diện tích là 113,63m² (thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 01). Do có sự chồng lấn ranh đất giữa Trung tâm thể dục thể thao với các hộ dân nằm trong dự án nên năm 2012, UBND thành phố Cà Mau tiếp tục ra quyết định thu hồi đất bổ sung, cụ thể: thửa đất số 57 được tách ra làm hai thửa gồm thửa số 44 có diện tích bị thu hồi là 58,59m² và thửa số 57 có diện tích bị thu hồi là 34,27m², tổng diện tích đất anh H bị thu hồi cả hai lần là 206,49m² và cả hai lần này, anh H đã nhận tiền bồi thường xong. Quá trình kiểm đếm, đo đạc để thực hiện việc bồi thường, bà Ngô Thị G không có tranh chấp gì về phần đất anh H bị thu hồi và số tiền bồi thường mà anh H đã nhận. Hơn nữa, sau khi nhận tiền đền bù, giải tỏa vào năm 2010, anh H tiến hành xây dựng nhà trên phần diện tích đất còn lại phía bà G cũng không ngăn cản hay thưa kiện đến cơ quan có thẩm quyền về việc không cho anh H xây dựng nhà. Cũng trong năm 2010, vợ chồng anh H chuyển nhượng 01 phần diện tích đất trên cho vợ chồng ông Tạ Hoàng H, bà Ông Thuận T (hiện ông H, bà T đã chuyển nhượng lại cho ông Trần Bình Đ), bà G biết việc này nhưng không có ý kiến gì phản đối, tranh chấp. Mặt khác, phần đất sau hậu giáp ranh với phần đất của bà G thì bà G đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị L, ông Trần Công U để xây dựng cửa hàng vật liệu xây dựng Đ và ông U, bà L đã xây dựng hàng rào bằng bê tông cốt thép kiên cố để làm nhà kho. Nay anh H muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này nhưng bà G ngăn cản, không đồng ý ký giáp ranh nên anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần đất hiện anh đang quản lý, sử dụng có diện tích khoảng 165m² thuộc quyền sở hữu của anh. Tuy nhiên, sau khi có kết quả đo đạc thực tế của Trung tâm quan trắc

thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thì phần diện tích đất thực tế anh H đang quản lý, sử dụng có diện tích là 170,7m² nên yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất này là của anh và buộc bà G chấm dứt hành vi cản trở việc anh thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất. Đồng thời, bà G phải trả lại chi phí đo đạc, thẩm định mà anh đã nộp với số tiền 7.190.000đ. Đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, hiện anh Đ đang quản lý thì anh không có tranh chấp hay có yêu cầu gì đối với vợ chồng ông H và anh Đ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nghệ Cao T là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị G (bị đơn) trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông nội anh là cụ Nghệ Văn Vạn khai phá, cụ Vạn cho lại cô ruột của anh là bà Nghệ Kim Quyên 04 công tằm lớn. Đến năm 1979, bà Quyên cho lại toàn bộ phần đất trên cho bà Ngô Thị G, hiện bà Nghệ Kim Quyên đã chết. Năm 1993, bà G đi kê khai diện tích phần đất trên với cơ quan quản lý đất đai là 4545m². Sau đó, bà G có bán lại cho 05 người trong đó có 03 người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn 02 người chưa được cấp nhưng phần diện tích cụ thể bao nhiêu, anh T không xác định được. Quá trình quản lý, sử dụng đất bà G cho rằng phần đất của bà tiếp giáp phía sau hậu đất của anh H đã bị anh H lấn chiếm, hiện bà G đã cho bà Trần Thị L thuê, bà L đã xây dựng nhà kiên cố để buôn bán và xây dựng hàng rào bằng bê tông tiếp giáp phía sau hậu đất của anh H. Nay anh T xác định tổng diện tích đất của anh H hoán đổi từ anh Nghệ Thế Hiền thuộc thửa số 111 có diện tích là 380m², anh H đã nhận tiền bồi hoàn làm lộ Đ với diện tích là 207m² nhưng kết quả đo vẽ thực tế thể hiện phần đất anh H đang quản lý, sử dụng trước khi bán cho vợ chồng ông Tạ Hoàng H là 209,1m². Sau đó, vợ chồng ông H chuyển nhượng lại cho anh Trần Bình Đ nhưng việc chuyển nhượng trên, bà G không biết diện tích là bao nhiêu nên không có ngăn cản. Sau khi có kết quả đo vẽ, bà G mới biết được diện tích đất giữa các bên chuyển nhượng với nhau, hiện ông Đ đã cất nhà trên đất với diện tích theo bản vẽ thể hiện nhưng bà G không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông Đ do ông Đ thực hiện việc chuyển nhượng phần đất phía trước giáp lộ Đ còn bà G chỉ tranh chấp phần đất giáp với phần đất sau hậu của anh H. Nay anh T đại diện cho bà G chỉ thừa nhận và thống nhất phần đất có diện tích 165m² thuộc quyền sở hữu của anh H, phần diện tích đất phía sau hậu còn lại có diện tích là 44,1m² theo bản vẽ thuộc quyền sở hữu của bà G, anh H phải trả lại cho bà G.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Chị là vợ của anh H, chị có cùng ý kiến với anh H, không có ý kiến gì khác. Do bận nhiều công việc, chị T xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Bình Đ trình bày:

Ngày 18/10/2017, anh Đ có nhận chuyển nhượng lại phần đất từ vợ chồng ông Tạ Hoàng H với diện tích và tứ cận như sau: Hướng Tây giáp đường Đ cạnh dài 4,3m, hướng Nam giáp với anh Trần Hữu Hưng cạnh dài 18,54m, hướng Bắc giáp anh Nghệ

Thanh H cạnh dài 18,43m. Việc thỏa thuận chuyển nhượng và giao tiền chỉ làm giấy tay, không có công chứng, chứng thực. Sau khi thỏa thuận, anh nhờ anh Trần Bình Sơn là anh ruột của anh thực hiện việc giao tiền cho vợ chồng ông H nên trong biên nhận giao tiền có họ tên, chữ ký của anh Sơn thực tế tiền chuyển nhượng là của anh. Sau khi nhận chuyển nhượng, các bên có đo đạc, bàn giao đất và anh đã cất nhà trên đất nên anh Đ không đặt ra yêu cầu gì đối với vợ chồng ông H và anh H bởi anh H cũng thừa nhận giao đúng diện tích đất cho vợ chồng ông H và giữa anh với anh H cũng đã thỏa thuận được với nhau về việc điều chỉnh phần diện tích đất khi làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất nên anh không đặt ra yêu cầu, không tranh chấp gì với vợ chồng ông H và bà G, anh H. Do đó, anh Đ xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của đương sự tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định phần đất có diện tích 170,7m² tọa lạc tại Đường Đ, phường C, thành phố Cà Mau thuộc quyền sở hữu của anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H. Đối với chi phí thẩm định, đo đạc buộc bà G phải hoàn trả lại cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp quyền sử dụng đất, cụ thể là tranh chấp phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 170,7m² tọa lạc tại đường Đ, khóm 1, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Anh Nghê Thanh H cho rằng phần đất có diện tích nêu trên có nguồn gốc từ ông nội của anh là cụ Nghê Văn Vạn khai phá cho lại cho cha của ông Nghê Thanh Hùng (cha đẻ của anh). Sau đó, anh trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1999 cho đến nay không có tranh chấp nhưng khi anh đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía bà Ngô Thị G không đồng ý ký giáp ranh. Đối với bà G cho rằng quá trình quản lý, sử dụng đất anh H đã lấn, chiếm phần đất của bà G tiếp giáp phía sau hậu đất của anh H với diện tích theo đo vẽ thực tế hiện nay là 44,1m² nên bà G chỉ thống nhất phần đất có diện tích 165m² thuộc quyền sở hữu của anh H, phần diện tích còn lại là 44,1m² là của bà G nên yêu cầu anh H phải trả lại, nhưng anh H không đồng ý. Từ đó, giữa các đương sự phát sinh tranh chấp.

[2] Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng phần đất tranh chấp giữa anh H với bà G có nguồn gốc từ cụ Nghê Văn Vạn khai phá cho lại các con quản lý, sử dụng. Hiện anh H, bà G đang quản lý nhưng đến nay, các đương sự chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình quản lý, sử dụng đất anh H và bà G đều có kê khai đăng ký đất

đại thể hiện qua sổ mục kê do các đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự thừa nhận rằng khi đăng ký, kê khai là do tự các đương sự kê khai chứ không có cơ quan có thẩm quyền nào đến đo đạc, thẩm định lại diện tích đất đã kê khai nên các đương sự cũng không xác định được diện tích đất đã đăng ký, kê khai được ghi nhận trong sổ mục kê là nhiều hay ít hơn so với diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng. Chính vì lẽ đó, cần căn cứ vào biến động đất đai trong quá trình các đương sự quản lý để làm cơ sở xem xét diện tích đất thực tế trong thời gian sử dụng, các đương sự quản lý có xảy ra việc lấn chiếm, tranh chấp hay có thay đổi gì trên đất không.

Xét thấy, phần đất của bà G và anh H quản lý, sử dụng là hai thửa đất riêng biệt và được kê khai đăng ký trong sổ mục kê từ năm 1995. Trong thời gian sử dụng đất, các đương sự đã thực hiện quyền của người sử dụng đất là chuyển nhượng, nhận tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất để làm đường lộ Đ, cụ thể: Vào các năm 2010, 2012, nhà nước thu hồi đất và tiến hành bồi thường, giải tỏa làm lộ Đ thì bà G cùng anh H vẫn đồng ý nhận tiền bồi thường, bà G không có động thái gì để ngăn cản hay tranh chấp về việc nhận tiền bồi thường, về diện tích đất còn lại của anh H sau khi bị nhà nước thu hồi. Cũng trong năm 2010, anh H xây dựng nhà trên đất thì bà G cũng không ngăn cản dù rằng, người đại diện của bà G cho rằng có trình báo với chính quyền địa phương nhưng không có tài liệu nào thể hiện việc địa phương tiếp nhận đơn hoặc đã giải quyết tranh chấp mà phía bà G không đồng ý và có khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền cấp trên hoặc đã khởi kiện đến Tòa án. Sau đó, anh H tiếp tục chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Tạ Hoàng H, bà Ông Thuận T thì bà G biết nhưng cho rằng không biết diện tích chuyển nhượng là bao nhiêu nên không ngăn cản là không đúng bởi nếu xác định anh H có lấn, chiếm đất của bà G thì khi đó dù không biết diện tích chuyển nhượng, bà G cũng phải có hành động nào đó để cản trở việc chuyển nhượng trên tuy việc chuyển nhượng giữa anh H với vợ chồng ông H là chưa đúng quy định (vì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nhưng điều đó cũng thể hiện được quyền định đoạt của chủ sở hữu đối với tài sản. Bên cạnh đó, bà G lại cho bà Trần Thị L thuê đất và xây dựng bức tường rào kiên cố bằng bê tông cốt thép ở phía sau hậu đất của anh H tiếp giáp với phần đất của bà trong khi sự việc chưa được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền đều đó đồng nghĩa với việc bà G tự xác định phần diện tích đất của bà đến vị trí bức tường trên và khi phía bà L xây dựng, anh H cũng không có ý kiến gì phản đối về việc này. Cũng trong năm 2017, vợ chồng ông Tạ Hoàng H chuyển nhượng đất lại cho anh Trần Bình Đ và anh Đ xây dựng nhà ở để buôn bán cho đến nay, bà G biết nhưng không ngăn cản cũng không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với anh Đ.

Với những biến động về đất đai nêu trên trong quá trình quản lý, sử dụng đất bà G không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ bằng văn bản thể hiện việc tiếp nhận hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết bằng quyết định có hiệu lực hoặc đến nay chưa giải quyết trong suốt thời gian từ năm 1995 đến trước khi anh H nhận tiền bồi thường, xây dựng nhà, chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Tạ Hoàng H. Do

đó, có căn cứ để xác định rằng cả anh H và bà G không ai có chứng cứ chứng minh có việc lấn chiếm đất qua lại giữa hai bên nên cần công nhận phần diện tích đất mà các bên hiện đang quản lý, sử dụng là hợp lý. Vì vậy, yêu cầu của anh H được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng, do yêu cầu của anh H được chấp nhận nên bà G phải hoàn trả số tiền 7.190.000đ (bảy triệu một trăm chín chục nghìn đồng) mà anh H đã nộp tạm ứng để đo đạc, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về tố tụng, chị T cùng anh Đ đã có lời khai và xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử. Xét thấy, việc vắng mặt của anh Đ, chị T không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, anh H và bà G không đặt ra yêu cầu gì đối với anh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đối với ông Tạ Hoàng H, bà Ông Thuận T cũng đã có lời khai và các đương sự trong vụ án xác định không đặt ra yêu cầu gì đối với ông H, bà T. Do đó, việc giải quyết vụ án không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, bà T nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[5] Về án phí, do xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của anh H nên bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do bà G là người cao tuổi (bà G, sinh năm 1942) nên căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 163, 169, 190, 194 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 170 và Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 158 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 26 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nghệ Thanh H.

Công nhận phần đất có diện tích 170,7m² tọa lạc tại đường Đ, khóm 1, phường C, thành phố Cà Mau thuộc quyền sở hữu của anh Nghệ Thanh H. Anh Nghệ Thanh H có nghĩa vụ liên hệ cơ quan quản lý đất đai để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (*kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 11/7/2019*).

- Về chi phí tố tụng, bà Ngô Thị G phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nghệ Thanh H chi phí đo đạc với số tiền là 7.190.000đ (bảy triệu một trăm chín chục nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị G không phải nộp, do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Anh Nghệ Thanh H không phải nộp. Ngày 06/6/2019, anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số 0000241 được trả lại cho anh H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân